TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/DS-PT
Ngày 25 - 4 - 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Giang Thị Cẩm Thúy**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Thanh Dũng**

Bà **Huỳnh Thị Kiều Anh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Mỹ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Nhỏ** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 199/2022/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C sinh năm 1960; Nơi cư trú: Số 26, đường Lê Đại Hành, Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc L và bà Viên Anh Đ sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 46, đường Lý Tự T, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc L. Nơi cư trú: Số 26, đường Lê Đại Hành, Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C và bà Viên Anh Đ: Ông Cao Quốc Bảo sinh năm 1964; Trú tại: ấp Thị trấn A, thị trấn Hòa B, huyện Hòa B, tỉnh B (có mặt).

Bị đơn: Ông Dương Văn L sinh năm 1952 và bà Nguyễn Ngọc S (tên gọi khác: Bấu) sinh năm 1952; Cùng trú tại: Số 26, đường Ngô Q, Khóm 3, Phường 2, thành phố B, tỉnh B (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Cao Thị Túy G – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Túy Giang và cộng sự (có mặt).

- Người kháng cáo: ông Dương Văn L và bà Nguyễn Ngọc S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, bà Viên Anh Đ ủy quyền cho ông Cao Quốc Bảo trình bày: Vào ngày 28/01/2001, vợ chồng có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Dương Văn L và bà Nguyễn Thị S diện tích đất ngang 50m; chiều dài lấy hết đất (từ bờ kênh bên giáp ranh anh Huệ đến hết bờ kênh xáng), có làm Biên nhận cùng ngày. Tuy nhiên, khi làm thủ tục chuyển nhượng thì UBND Phường 2, thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố Bạc Liêu) có nói có một phần đất bảo lưu kênh nên không cấp quyền sử dụng, còn một phần diện tích đất ông Dương Văn L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên được sang tên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.000 m^2 (ngang 50m x dài 60m); phần diện tích đất chưa được cấp quyền sử dụng đất thì vợ chồng quản lý, do công việc làm ăn nên không biết Nhà nước có chủ trương mở rộng lộ Bờ Tây khoảng vào năm 2013, ông L đi kê khai phần diện tích đất này, khi hay được sự việc vợ chồng có khiếu nại đến UBND Phường 2, thành phố Bạc Liêu giải quyết, nhưng do bị thất lạc Biên nhận chuyển nhượng đất, nên có chấp nhận cho ông L nhận số tiền bồi thường là 36.000.000 đồng, khi Nhà nước thu hồi mở rộng lộ Bờ Tây lần 2 thì tìm được Biên nhận trên nên vợ chồng không đồng ý bồi thường phần đất thu hồi cho ông L. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Văn L và bà Nguyễn Ngọc S trả lại diện tích đất 420m^2 (Qua đo đạc thực tế ngày 22/8/2022 và Bản vẽ mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 31/8/2022 là: Ngang hướng Đông 49,06m; ngang hướng Tây 48,19m; dài hướng Nam 10,03m; dài hướng Bắc 7,31m) đất tọa lạc tại Khóm 3, Phường 2, thành phố B, tỉnh B và yêu cầu trả lại số tiền nhà nước đã bồi thường đối với phần diện tích đất bị thu hồi, tổng số tiền là 36.000.000 đồng.

Bị đơn ông Dương Văn L, bà Nguyễn Ngọc S trình bày: Phần diện tích đất ông Nguyễn Văn C và bà Viên Anh Đ khởi kiện là của ông bà, đã kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào khoảng năm 1980, sau đó khoảng năm 1999 thì cấp lại quyền sử dụng đất một phần diện tích đất là 5.500m^2, gia đình có hỏi thì Nhà nước nói là làm lộ nên chỉ cấp quyền sử dụng diện tích đất trên (chỉ nói miệng, không có quyết định thu hồi đất và cũng không có bồi thường), con lộ bề ngang rộng khoảng 07m đến 08m. Ông bà có chuyển nhượng cho ông C, bà Đ một phần diện tích đất ngang 50m x dài 60m theo hợp đồng chuyển nhượng năm 2002. Ông bà đã giao đất và ông C, bà Đ đã kê khai và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất diện tích là 3.000m^2 và sử dụng cho đến hôm nay. Vào khoảng năm 2013, 2014, khi Nhà nước có thu hồi đất để mở rộng lộ thì ông C, bà Đ tranh chấp đất phần diện tích đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Biên nhận ngày 28/01/2001, tự ông C tự ghi *"Diện tích đất ngang 50m; chiều dài lấy hết đất, từ bờ kênh bên giáp ranh anh Huệ đến hết bờ kênh xáng"* khi ông C đến hỏi chuyển nhượng đất, gia đình chỉ chuyển nhượng đất mà gia đình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích ngang 50m x dài 60m.

Phần đất tranh chấp vẫn của gia đình ông bà nên ông bà xác định không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đất ông Nguyễn Văn C và bà Viên Anh Đ.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 199/2022/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Viên Anh Đ đối với ông Dương Văn L, bà Nguyễn Ngọc S trả lại diện tích đất 420m^2, tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 1994), nay là thửa đất số 69, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 2017), đất tọa lạc tại Khóm 3, Phường 2, thành phố B, tỉnh B.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Viên Anh Đ đối với ông Dương Văn L, bà Nguyễn Ngọc S trả lại diện tích đất 330m^2, tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 1994), nay là thửa đất số 69, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 2017), đất tọa lạc tại Khóm 3, Phường 2, thành phố B, tỉnh B và số tiền Nhà nước bồi thường chi phí thu hồi đất là 36.000.000 đồng.

3. Buộc ông Dương Văn L, bà Nguyễn Ngọc S có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn C, bà Viên Anh Đ diện tích đất 420m^2, tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 1994), nay là thửa đất số 69, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 2017), tại Khóm 3, Phường 2, thành phố B, tỉnh B, có vị trí cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp Đường Bờ Tây HT: 6.9M, có số đo 49,06m.

- Hướng Tây giáp đất bà Huỳnh Thị Duyên, có số đo 48,19m.

- Hướng Nam giáp đất bà Dương Hồng Thuý, có số đo 10,03m.

- Hướng Bắc giáp đất bà Huỳnh Thị Duyên, có số đo 7,31m.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/12/2022, bị đơn ông Dương Văn L, Nguyễn Ngọc S kháng cáo một phần bản án, yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu trả cho ông Nguyễn Văn C, bà Viên Anh Đ diện tích đất 420m^2 tại Khóm 3, Phường 2, thành phố B, tỉnh B

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, bà Viên Anh Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm, không có ý kiến bổ sung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bày ý kiến tranh luận: Đất tranh chấp là của bị đơn, không chuyển nhượng cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý, sử dụng phần đất 3000m^2 đúng như thỏa thuận chuyển nhượng nên bị đơn không đồng ý với toàn bộ

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Dương Văn L và bà Nguyễn Ngọc S giữ nguyên nội dung kháng cáo, không đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn C bà Viên Anh Đ phần đất 420m^2 như bản án sơ thẩm đã tuyên, thống nhất với ý kiến tranh luận của Luật sư, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn L, bà Nguyễn Ngọc S, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Viên Anh Đ, sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 199/2022/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Dương Văn L và bà Nguyễn Ngọc S trong thời hạn luật định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn L và bà Nguyễn Ngọc S về việc không đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Văn C và bà Viên Anh Đ diện tích 420m^2.

[2.1] Theo Bản vẽ mặt bằng hiện trạng khu đất đang tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu lập ngày 31/8/2022, diện tích đang tranh chấp tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 1994), nay là thửa đất số 69, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 2017), tại Khóm 3, Phường 2, thành phố B, tỉnh B có diện tích 420m^2, vị trí cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp Đường Bờ Tây HT: 6.9M, có số đo 49,06m.

- Hướng Tây giáp đất bà Huỳnh Thị Duyên và ông Trần Ngọc Huệ, có số đo 48,19m.

- Hướng Nam giáp đất bà Dương Hồng Thuý, có số đo 10,03m.

- Hướng Bắc giáp đất bà Huỳnh Thị Duyên, có số đo 7,31m.

[2.2] Xét về nguồn gốc đất: Các bên thống nhất đất tranh chấp là của ông Dương Văn L diện tích 420m^2 nằm tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa

chính thành lập năm 1994), nay là thửa đất số 69, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 2017).

[2.3] Theo Tờ biên nhận ngày 28/01/2001, bà Viên Anh Đ xác định đã nhận chuyển nhượng của ông Dương Văn L "diện tích ngang 50m, chiều dài lấy hết đất, từ bờ kinh bên giáp ranh anh Huệ đến hết bờ kinh sáng" là bao gồm diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 3000m^2 do bà Viên Anh Đ đứng tên thì còn diện tích đất 420m đang tranh chấp do khi làm thủ tục chuyển nhượng thì Uỷ ban nhân dân Phường 2, thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố Bạc Liêu) cho rằng phần đất trên là bảo lưu kênh nên không cấp quyền sử dụng. Do đó, ông bà khởi kiện yêu cầu ông Dương Văn L và bà Nguyễn Ngọc S có nghĩa vụ giao trả cho ông bà diện tích đất 420m^2. Ngoài Tờ biên nhận đề ngày 28/01/2001 thì ông C, bà Đ không còn tài liệu, chứng cứ nào khác. Vợ chồng ông L, bà S thì xác định Biên nhận ngày 28/01/2001 là biên nhận do ông C, bà Đ tự ghi, Biên nhận này có 02 trang, ông bà chỉ thừa nhận nội dung là ngày 28/01/2001 ông bà có nhận số tiền 50.000.000 đồng và ông bà ký xác nhận trang có nội dung nhận số tiền này, các nội dung khác ông bà không ký và không có thỏa thuận.

[2.4] Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 705/CN lập ngày 31/01/2002 tại Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã Bạc Liêu, được Ủy ban nhân dân phường 2 ký xác nhận ngày 04/02/2002 thể hiện ông L, bà S chuyển nhượng cho ông C, bà Đ diện tích đất là 3.000m2, thửa 627 tách thửa 140 Tờ bản đồ số 06 Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M545017 do Ủy ban nhân dân Thị xã Bạc Liêu cấp ngày 22/7/1999 (cấp cho ông L). Ngày 04/9/2002, Hộ Viên Anh Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất U956510 diện tích 3.000m2 thửa 627, tờ bản đồ số 6. Như vậy, Hợp đồng chuyển nhượng đất của các bên diện tích chỉ 3.000m^2.

[2.5] Căn cứ Công văn số 179/UBND phường 2 ngày 06/6/2022 xác định: Thời điểm năm 2002 ông L chuyển nhượng đất cho bà Đ, ông C thì con lộ Bờ Tây được thể hiện rộng là 7,5m (BL 301), nội dung này phù hợp với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử đất lập ngày 04/02/2002 giữa ông L, bà S với bà Đ theo vị trí tiếp giáp phía Tây là lộ Bờ Tây, hoàn toàn không có giáp đất ông L nên ông C, bà Đ cho rằng phần đất tranh chấp nằm trong diện tích đất ông bà nhận chuyển nhượng tại Tờ biên nhận ngày 28/01/2001 là không đúng. Đồng thời, công văn cũng xác định "phần đất tranh chấp do ông L quản lý, sử dụng đến năm 2013 nhà nước đã thực hiện dự án đầu tư xây dựng cầu và đường kênh 30/4 đã thu hồi đất của ông L theo Quyết định số 285/QD0-UBND ngày 07/10/2014 diện tích 111m^2". Nội dung công văn hoàn toàn phù hợp với lời khai bị đơn là bị đơn trực tiếp quản lý, sử dụng đất, đã san lấp mặt bằng, bồi đắp con kinh và trồng cây trên đất tranh chấp. Tại Bản vẽ mặt bằng hiện trạng khu đất đang tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu lập ngày 31/8/2022 (đo đạc ngày 22/8/2022), diện tích đang tranh chấp tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 1994), nay là thửa đất số 69, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 2017), tại Khóm 3, Phường 2, thành phố B, tỉnh B có diện tích 420m^2 do ông Dương Văn L đứng tên đăng ký nên trình bày của ông Nguyễn Văn

C vì lý do đất bảo lưu không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời không đưa ra được chứng cứ nào khác nên không có cơ sở xem xét. Mặt khác, tại văn bản trình bày ý kiến ngày 11/4/2023 của bà Ngô Kim H xác định bà có thỏa thuận chuyển nhượng đất của ông L có chiều ngang 10m chung thửa với đất ông C nhận chuyển nhượng, ông L cũng đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L cho bà để làm thủ tục chuyển tên cho bà Nhung, bà Mười, chiều dài đất chuyển nhượng chỉ 60m với giá 01m ngang là 6,2 chỉ vàng 24k.

[2.6] Như đã phân tích, Biên nhận ngày 28/01/2001 bị đơn xác định chỉ ký xác nhận nhận tiền cọc, diện tích chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 04/02/2002 xác định diện tích chuyển nhượng là 3.000m2, diện tích đất tranh chấp từ trước tới nay là bị đơ quản lý liên tục, công khai; bị đơn cũng là người nhận tiền bồi thường đất khi nhà nước làm lộ giới phía trước phần đất tranh chấp giáp lộ nên việc Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 129 Bộ luật Dân sự xác định: *"Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó..."* thì phía nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ trả tiền, nên giao dịch chuyển nhượng này đã được các đương sự thực hiện và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Viên Anh Đ đối với ông Dương Văn L, bà Nguyễn Ngọc S trả diện tích 420m^2 tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 1994), nay là thửa đất số 69, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 2017), tại Khóm 3, Phường 2, thành phố B, tỉnh B" là chưa có căn cứ.

[2.7] Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 129 Bộ luật Dân sự xác định: *"Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó..."* thì phía nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ trả tiền, nên giao dịch chuyển nhượng này đã được các đương sự thực hiện nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Viên Anh Đ đối với ông Dương Văn L, bà Nguyễn Ngọc S trả diện tích 420m^2 tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 1994), nay là thửa đất số 69, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 2017), tại Khóm 3, Phường 2, thành phố B, tỉnh B là chưa có căn cứ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn L, bà Nguyễn Ngọc S; Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Viên Anh Đ về việc yêu cầu ông L, bà S giao trả phần đất có diện tích 420m^2. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 199/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông L, bà S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.285.120 đồng: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Viên Anh Đ không được chấp nhận nên ông C, bà Đ phải chịu toàn bộ chi phí trên. Ông Nguyễn Văn C đã nộp số tiền 8.285.120 đồng và chi hết cho việc thẩm định, định giá.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn L, bà Nguyễn Ngọc S. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 199/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 146, 147, 156, 157, 164, 165; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Viên Anh Đ đối với ông Dương Văn L, bà Nguyễn Ngọc S (tên gọi khác: Bấu) về việc yêu cầu ông L, bà S trả lại phần đất có diện tích 420m^2, tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 1994), nay là thửa đất số 69, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 2017), tại Khóm 3, Phường 2, thành phố B, tỉnh B; theo Bản vẽ mặt bằng hiện trạng khu đất đang tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu lập ngày 31/8/2022 có diện tích 420m^2, vị trí cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp Đường Bờ Tây HT: 6.9M, có số đo 49,06m.

- Hướng Tây giáp đất bà Huỳnh Thị Duyên và ông Trần Ngọc Huệ, có số đo 48,19m.

- Hướng Nam giáp đất bà Dương Hồng Thuý, có số đo 10,03m.

- Hướng Bắc giáp đất bà Huỳnh Thị Duyên, có số đo 7,31m.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Viên Anh Đ đối với ông Dương Văn L, bà Nguyễn Ngọc S trả lại diện tích đất 330m^2, tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 1994), nay là thửa đất số 69, tờ bản đồ số 06 (Bản đồ địa chính thành lập năm 2017), đất tọa lạc tại Khóm 3, Phường 2, thành phố B, tỉnh B và số tiền Nhà nước bồi thường chi phí thu hồi đất là 36.000.000 đồng.

3. Chi phí xem xét thẩm định, định giá: Ông Nguyễn Văn C, bà Viên Anh Đ phải chịu số tiền 8.285.120 đồng; ông C, bà Đ đã dự nộp nên không được hoàn lại.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C, bà Viên Anh Đ phải nộp chung số tiền 300.000 đồng, ông C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000587 ngày 14/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Dương Văn L, bà Nguyễn Ngọc S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố Bạc Liêu;
- CCTHADS thành phố Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Giang Thị Cẩm Thúy